

Đăng ngày : 11/09/2015

1. Hộ chiếu bản gốc và bản sao: Hộ chiếu phải còn hạn 6 tháng trở lên, photo mặt hộ chiếu và visa hoặc trang đóng dấu xuất nhập cảnh các nước khác (nếu có).
2. Khai đầy đủ mẫu đơn xin visa 1 bản(kèm 2 tấm ảnh 4x6 nền trắng chụp trong 6 tháng gần nhất), đồng thời đương sự phải ký tên.
3. Quyết định cho nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi do Ủy Ban Nhân Dân tỉnh/thành phố cấp đã được dịch sang tiếng Trung và hợp pháp hoá tại Bộ Ngoại Giao Việt Nam và Văn phòng Đài Bắc.
4. Quyết định xét xử dân sự của Tòa án địa phương Đài Loan về việc nhận con nuôi đã hợp pháp hoá lãnh sự, kèm bản trích lục hộ tịch Đài Loan trong 3 tháng bản gốc có ghi chú việc nhận con nuôi của người Đài Loan bản chính.
5. Khai sinh của trẻ được nhận làm con nuôi bản chính và bản copy.
6. Giấy kết hôn của mẹ trẻ được nhận làm con nuôi và người Đài Loan đã được xác nhận lãnh sự tại Văn phòng Đài Bắc.
7. Giấy đồng ý cho người Đài Loan nhận nuôi con của cha đứa trẻ, bản đồng ý này đã được dịch tiếng Trung và hợp pháp hoá tại Bộ Ngoại Giao Việt Nam và Văn phòng Đài Bắc.
8. Trong trường hợp cha đẻ của trẻ đã mất, yêu cầu cung cấp giấy chứng tử của cha đứa trẻ, kèm bản dịch tiếng Trung có hợp pháp hoá Bộ Ngoại Giao và Văn phòng Đài Bắc.

國人收養越籍配偶之未成年子女申請依親簽證應備文件

1. 護照正影本乙份(相關頁次)。所持護照效期應有 6 個月以上。
2. 填寫簽證申請表乙份(含兩張 4x6 六個月內近照相片，背景為白色)並由本人簽字。
3. 由市/省人民委員會(子女戶籍所在地)核發准予外國人收養越南子女之決定書，翻譯為中文並經越南外交部及本處驗證正影本乙份。
4. 台灣地方法院民事裁定證明正本及國人之三個月內有效之台灣戶籍謄本正本，已有收養註記。
5. 子女之出生證明(越文)正影本乙份。
6. 國人與越南生母結婚證書，翻譯為中文並經越南外交部及本處驗證。
7. 越南生父同意書，同意國人收養其子女，翻譯為中文並經越南外交部及本處驗證正影本乙份。
8. 若兒童之生父死亡，則檢附死亡證明書，翻譯為中文並經越南外交部及本處驗

證正影本乙份。

